

Thuận Châu, ngày 13 tháng 11 năm 2023

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm căn cứ xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua hóa chất xét nghiệm phục vụ hoạt động chuyên môn của đơn vị năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, Địa chỉ Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Đào Thị Vi Loan; sdt: 0912743969; Email: villoan2016@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp tại khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu.  
Địa chỉ: Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trong giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.

- Nhận qua email: [villoan2016@gmail.com](mailto:villoan2016@gmail.com)

- Nhận qua Fax:

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00' ngày 13 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h00' ngày 24 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất: Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục 1**.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu. Địa chỉ Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

3. Thời gian giao hàng dự kiến

Giao hàng từng đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, thời gian giao hàng dự kiến: 72 giờ và trường hợp khẩn cấp: 24 giờ.

4. Dự kiến và các điều khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo từng đợt. Chứng từ thanh toán phải đảm bảo đúng với quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác:

a. Báo giá theo danh mục phụ lục 1 đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải gửi kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 mục I- Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm hoặc bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về mail của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4, mục I – Yêu cầu báo giá; bản giấy phải được gửi về Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, KHNV.

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Việt Phương**

**PHỤ LỤC 1**

**BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM**

*(Đính kèm Thư mời báo giá ngày 13/11/2023 của BVĐK huyện Thuận Châu)*

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	ALBUMIN	<p>Hóa chất chẩn đoán Albumin dùng cho máy phân tích sinh hóa. Theo nguyên lý phản ứng giữa Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương và dye bromocresol green sẽ tạo kết tủa màu. Độ hấp thụ màu của kết tủa này phụ thuộc vào nồng độ Albumin.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo Bromocresol green</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 6g/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 4x50ml Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Succinate Buffer 75mmol/L</li> <li>- Bromocresol green 0.14g/L</li> <li>- Albumin standard 3g/dL</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	8
2	Bilirubin Direct-DC	<p>Hóa chất chẩn đoán Bilirubin Direct dùng cho máy phân tích sinh hóa. Acid sulfanilic phản ứng với natri nitric để tạo thành acid sulfanilic diazotized. Bilirubin Direct phản ứng với acid sulfanilic diazotized để tạo thành azobilirubin là một kết tủa. Đo độ hấp thụ màu kết tủa này để định lượng Bilirubin Direct trong huyết thanh/ huyết tương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo Modified Diazo</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 20mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 5x 100ml Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sulfanilic acid 28.9mmol/L</li> <li>- Hydrochloric 165mmol/L</li> <li>- Preservatives and Stabilizers</li> <li>- Direct bilirubin activator</li> </ul> <p>Sodium metavanadate 4 mmol/L Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	4
3	Bilirubin Total	<p>Hóa chất chẩn đoán Bilirubin Total dùng cho máy phân tích sinh hóa. Acid sulfanilic phản ứng với natri nitric để tạo thành acid sulfanilic diazotized. Bilirubin Total phản ứng với acid sulfanilic diazotized để tạo thành TAB azobilirubin là một kết tủa. Đo độ hấp thụ màu kết tủa này để định lượng Bilirubin Total trong huyết thanh/ huyết tương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo Modified TAB</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 25mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 5x100ml Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sulfanilic acid 28.9mmol/L</li> <li>- Hydrochloric acid 165 mmol/L</li> <li>- Dimethyle sulfoxide 7 mmol/L</li> <li>- Total Bilirubin Activator</li> </ul> <p>Hộp gồm 4 X 50 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	4

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
4	CHOLESTEROL	<p>Hóa chất chẩn đoán Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa. Nguyên lý định lượng Cholesterol dựa vào phản ứng sau :</p> <p>Cholesterol esterase  Cholesterol ester + H<sub>2</sub>O -&gt; Cholesterol + fatty acids  Cholesterol Oxidase  Cholesterol + O<sub>2</sub> -&gt; 4-Cholesten-3-one + H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>  Peroxidase  2H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> + Phenol + 4-Aminoantipyrine -&gt; - Red quinone + 4H<sub>2</sub>O</p> <p>Xác định nồng độ Cholesterol dựa vào độ hấp thụ màu sắc của Red quinone</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo CHOD-PAP</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 600mg/dL</li> </ul> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pipes Buffer 50mmol/L</li> <li>- Sodium Cholate 0.5mmol/L</li> <li>- 4-aminoantipyrine 0.5mmol/L</li> <li>- Cholesterol Esterase &gt;180U/L</li> <li>- Cholesterol Oxidase &gt; 200U/L</li> <li>- Peroxidase &gt; 100U/L</li> <li>- Cholesterol standard 200mg/dL. Hộp gồm 5 x 100 mL</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.  Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	28
5	Creatinine Jaffe	<p>Hóa chất chẩn đoán creatinine dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý :</p> <p>Creatinine phản ứng với axit picric để tạo thành một hợp chất màu, creatinine alkaline picrate. Sự thay đổi độ hấp thụ tỷ lệ với nồng độ creatinine .</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo Modified Jaffe's</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 24mg/dL</li> </ul> <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sodium hydroxide 300mmol/L</li> <li>- Sodium Phosphate 25mmol/L</li> <li>- Sufactant</li> <li>- Picric Acid 8.73 mmol/L</li> <li>- Creatinine standard 2 mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 4 X 100 mL  Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.  Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	50
6	Glucose-GOD PAP	<p>Hóa chất chẩn đoán Glucose dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <p>Glucose Oxidase  Glucose + O<sub>2</sub> + H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> -&gt; Gluconic acid + H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>  Peroxidase  2H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> + phenol + 4-Aminoantipyrine -&gt; Quinonimine + 4H<sub>2</sub>O</p> <p>Xác định độ hấp thụ màu của Quinonimine để xác định nồng độ của Glucose trong mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo GOD -PAP</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 600mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 5x100ml</p> <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 92mmol/L</li> <li>- Glucose Oxidase 15,000U/L</li> <li>- 4- Aminophenazone 2.6mmol/L</li> <li>- Phenol 0.3 mmol/L</li> <li>- Glucose standard 100 mg/d. Hộp gồm 5x100ml</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.  Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	18

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
7	GOT(ASAT) IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán SGOT dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <p>AST L- Asparate + <math>\alpha</math> - ketoglutarate -----&gt; Oxaloacetate + L-Glutamate. MDH Oxaloacetate + NADH + H+ -----&gt; L- Malate + NAD+</p> <p>AST – Aspartate aminotransferase. MDH : Malate dehydrogenase</p> <p>Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều giảm các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 340nm tỉ lệ với nồng độ AST (SGOT)</p> <p>- Độ tuyến tính tối đa 1000 U/L</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 88mmol/L</li> <li>- L-Aspartate 260mmol/L</li> <li>- LDH &gt; 1,500U/L</li> <li>- MDH &gt; 900U/L</li> <li>- <math>\alpha</math>-ketoglutarate 12mmol/L</li> <li>- NADH 0.24mmol/L</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Hộp gồm 4 x 125 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.</p>	Hộp	18
8	GPT(ALAT) IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán SGPT dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <p>ALT L-Alanine + <math>\alpha</math>-ketogutarate --&gt;Pyruvate +L-Glutamate LDH Pyruvate +NADH+ H+----&gt; L-Lactate +NAD+</p> <p>ALT – Alanine aminotranferase LDH - Lactate dehydrogenase</p> <p>Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều giảm các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 340nm tỉ lệ với nồng độ ALT (SGPT)</p> <p>- Độ tuyến tính tối đa 1000 U/L</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 110mmol/L</li> <li>- L-Alanine 600mmol/L</li> <li>- LDH &gt; 1,500U/L</li> <li>- <math>\alpha</math>-ketoglutarate 16mmol/L</li> <li>- NADH 0.24mmol/L</li> </ul> <p>Hộp gồm 4 x 125 mL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	18
9	g-GT IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán Gama GT dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng</p> <p>Gamma GT GLUPA-C+Glycylglycine -&gt; L-Gamma-Glutamyl-Glycylglycine + 5-Amino-2-nitrobenzoic acid. GLUPA-C: L-Gamma -Glutamyl-3 Carboxy-p-nitroanilide</p> <p>Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều tăng các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 405nm tỉ lệ với nồng độ Gama GT</p> <p>- Phương pháp đo Szasz - Độ tuyến tính tối đa 232 U/L</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tris Buffer 133mmol/L</li> <li>- Glycylglycine 138mmol/L</li> <li>- Glupa-c 23mmol/L</li> </ul> <p>Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
10	Amylase	<p>Hóa chất chẩn đoán Amylase dùng cho máy phân tích sinh hóa. CNPG3 dưới tác động của Amylase trong huyết thanh/ huyết tương sẽ giải phóng 2- chloro-4- nitrophenol (CNP), 2- chloro-4- nitrophenyl – alpha- maltoside (CNP). Dựa vào độ hấp thụ của phản ứng động học này để tính toán nồng độ amylase trong huyết thanh/ huyết tương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo CNPG3</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 2000 U/L</li> </ul> <p>Thành phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mes Buffer 50mmol/L</li> <li>- CNPG3 2.27mmol/L</li> <li>- Calcium Chloride 60mmol/L</li> <li>- Sodium Chloride 70mmol/L</li> <li>- Activator 900mmol/L</li> </ul> <p>Hộp gồm 4x10mL          Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.          Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	5
11	Protein total	<p>Hóa chất chẩn đoán Total Protein dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý sau : xác định màu của Total protein dựa trên các nguyên tắc của phản ứng Biuret (muối đồng trong một môi trường kiềm). Protein trong mẫu huyết tương hoặc huyết thanh hình thành phức màu xanh khi được xúc tác bằng các ion cupric trong dung dịch kiềm. Cường độ của màu xanh tỷ lệ thuận với nồng độ protein. Do vậy đo độ hấp thụ của dung dịch cuối phản ứng tính toán ra nồng độ của Protein trong mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp Direct Biure</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 150 g/L</li> </ul> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Potassium iodide 6mmol ?L</li> <li>- Potassium sodium tartarate 21mmol/L</li> <li>- Copper Sulphate 6mmol/L</li> <li>- Sodium hydroxide 58mmol/L</li> <li>- Protein standard 60 g/L</li> </ul> <p>Hộp gồm 4 X 50 mL          Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.          Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	8
12	Triglycerides	<p>Dùng trong xét nghiệm Triglycerides  <math>2H_2O_2 + 4\text{-Aminoantipyrine} + p\text{-Chlorophenol} \rightarrow \text{Red quinonemine}</math>          GPO = Glycerol-3-phosphate Oxidase.          LPL = Lipoprotein Lipase          GK = Glycerol Kinase          Xác định độ hấp thụ màu của Red Quinonemine để xác định nồng độ của Triglycerides trong mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp GPO-PAP</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 1000 mg/dL</li> </ul> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pipes Buffer 5mmol/L</li> <li>- P- Chlorophenol 5.3mmol/L</li> <li>- Potassium ferrocyanate 10mmol/L</li> <li>- Magnesium Salt 17mmol/L</li> <li>- 4-aminoantipyrine 0.9mmol/L</li> <li>- ATP 3.15mmol/L</li> <li>- Lipoprotein Lipase &gt; 1,800U/L</li> <li>- Glycerol kinase &gt; 450U/L</li> <li>- Glycerol-3-phosphate oxidase &gt; 3.500U/L</li> <li>- Peroxidase &gt; 450U/L</li> <li>- Triglycerides standard 200mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 4 x 50 mL          Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.          Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	7

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
13	Urea-UV	<p>Dùng trong xét nghiệm Urea-UV</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp Urease / GLDH</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 500mg/dL</li> </ul> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buffer(pH 7.55) 75mmol/L</li> <li>- ADP 0.7mmol/L</li> <li>- a-ketoglutarate 9mmol/L</li> <li>- Urease &gt; 6,500U/L</li> <li>- GLDH &gt; 1,100U/L</li> <li>- NADH 0.25mmol/L</li> <li>- 2- Oxoglutarate 5mmol/L</li> <li>- Urea standard 50mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 4x125ml            Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.            Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	30
14	Uric Acid	<p>Dùng trong xét nghiệm Uric Acid</p> <p>Xác định độ hấp thụ màu của Red quinone để xác định nồng độ của Uric Acid trong mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp Uriase - PAP</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 25m g/dL.</li> </ul> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phosphate Buffer 180mmol/L</li> <li>- DHBS 2mmol/L</li> <li>- Amino-4-antipyrine 0.23mmol/L</li> <li>- Uricase &gt; 60U/L</li> <li>- Peroxidase &gt; 660U/L</li> <li>- Uric Acid standard 6mg/dL</li> </ul> <p>Hộp gồm 5x100ml            Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC.            Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	3
15	CK-NAC IFCC	<p>Hóa chất chẩn đoán Creatine kinase dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý phản ứng sau :</p> <p style="padding-left: 20px;">Creatine Phosphate + ADP---&gt; Creatine +ATP</p> <p style="padding-left: 20px;">ATP + Glucose----&gt; ADP + Glucose - 6- phosphate +ATP</p> <p style="padding-left: 20px;">G6P - DH</p> <p style="padding-left: 20px;">G-6-P + NADP+----&gt; D-Gluconate -6-phosphate + NADPH + H+</p> <p style="padding-left: 20px;">CK - Creatine Kinase</p> <p style="padding-left: 20px;">HK - Hexokinase</p> <p style="padding-left: 20px;">G-6-P-D-Glucose-6-phosphate</p> <p style="padding-left: 20px;">G-6-PDH-Glucose-6-Phosphate dehydrogenase.</p> <p>Sự thay độ hấp thụ màu theo chiều tăng các sản phẩm phản ứng theo thời gian ở bước sóng 340nm tỉ lệ với nồng độ CK.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo Optimized IFCC</li> <li>- Độ tuyến tính tối đa 1700 U/L</li> </ul> <p>Thành phần hoá học :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- D-Glucose 125 mmol/L</li> <li>- N-Acetyl-L-cysteine 25 mmol/L</li> <li>- Magnesium acetate 12.5 mmol/L</li> <li>- NADP 2.4 mmol/L</li> <li>- EDTA 2.0 mmol/L</li> <li>- Hexokinase <math>\geq</math> 6800 U/L</li> <li>- Creatine Phosphate 250 mmol/L</li> <li>- ADP 15.2 mmol/L</li> <li>- AMP 25 mmol/L</li> <li>- Diadenosine pentaphosphate 103 mmol/L</li> <li>- G-6-PDH &gt; 8800 U/L</li> </ul> <p>Hộp gồm 2x30ml            Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	7

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
16	HDL-Direct	Dùng trong xét nghiệm HDL Cholesterol Hóa chất chẩn đoán HDL Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý đo cường độ màu sắc sản phẩm cuối của phản ứng ,thay đổi theo nồng độ HDL – Cholesterol tham gia vào phản ứng. - Phương pháp đo Enzyme selective protection - Độ tuyến tính tối đa 150mg/dL Thành phần : - N-Ethyl-N-(3-methylphenyl)-N`succinylethyenediame(EMSE) - Cholesterol oxidase 2x10ml - 4-Aminoantipyrin 1x30ml Hộp gồm 2x60ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	8
17	LDL-Direct	Dùng trong xét nghiệm LDL-Direct Hóa chất chẩn đoán LDL Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa dựa theo nguyên lý đo cường độ màu sắc sản phẩm cuối của phản ứng ,thay đổi theo nồng độ LDL – Cholesterol tham gia vào phản ứng. - Phương pháp đo Enzyme selective protection - Độ tuyến tính tối đa 450mg/dL Thành phần hoá học : - CHE, CO 1.2 U/mL - Cholesterol Esterase > 2U/mL - Cholesterol Oxidase > 1mmol/L - 4-Aminoantipyrin 0.5 mmol/L - Good`s buffer pH 6.3 -N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidine - Disodium salt (DSBmT) 1.0 mmol/l -Peroxidase Hộp gồm 2x60ml Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	8
18	Calib	Dùng trong xét nghiệm Calib Hộp gồm 3ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. San phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	5
19	Control N	Dùng trong xét nghiệm QC dải thấp Hộp gồm 5ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	8
20	Control P	Dùng trong xét nghiệm QC dải cao Hộp gồm 5ml/lọ Bảo quản thuốc thử ở 2-8 oC. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	8
21	Nước rửa máy sinh hóa Extran	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Bảo quản thuốc thử ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	5000
22	Samp cup cho máy sinh hóa	Cấu tạo tròn, vật liệu nhựa cứng, trong suốt Kích thước: Đường kính 1,5cm, chiều cao 3,5cm. Tương thích và sử dụng được cho máy sinh hóa. Túi gồm 500c/túi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi	5
23	Hóa chất xét nghiệm cồn trong máu (Ethanol)	Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard. Giá trị tuyến tính lên đến 300 mg/dL (65 mmol/L). Giới hạn phát hiện: khoảng 10 mg/dL. Hộp gồm R1: 2 x 100 ml; R2: 1 x 10 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp	5
24	Hóa chất calib cho xét nghiệm Ethanol	- Dùng để kiểm chuẩn bằng cách theo dõi độ chính xác để xác định nồng độ các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. - Thành phần: R1 - Pathological control Ammonia, ethanol, CO2. - Hỗ trợ kỹ thuật online - Kỹ sư có mặt trong vòng 8 tiếng nếu máy móc, hoá chất vấn đề - Có máy chạy backup	Lọ	2



STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
25	Hóa chất chuẩn Ethanol	- Dùng để kiểm chuẩn bằng cách theo dõi độ chính xác để xác định nồng độ các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. - Thành phần: R1 - Normal control "Ammonia, ethanol, CO2". - Hỗ trợ kỹ thuật online - Kỹ sư có mặt trong vòng 8 tiếng nếu máy móc, hoá chất vấn đề - Có máy chạy backup	Lọ	2
26	Cartridge đo (PH, PCO2, P02), HCT	Hóa chất xét nghiệm khí máu Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	300
27	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/Ph	Thành phần gồm: Chất chuẩn A: 530ml Chất chuẩn B: 210ml Chất chuẩn C: 220ml Dung dịch tham chiếu: 310ml Hộp: 1270ml/ Hộp	Hộp	5
28	Dung dịch rửa (Dialy cleaning solution)	Dung dịch rửa dùng cho máy XN điện giải, để làm sạch hàng ngày máy phân tích điện giải Can 2 lít	Can	4
29	Dung dịch QC	Dùng trong chẩn đoán In-vitro. được dùng để kiểm soát và đảm bảo độ chính xác của các xét nghiệm. Hộp: 3x5x2ml	Hộp	4
30	Dung dịch chuẩn	Dùng trong chẩn đoán In-vitro. để hiệu chuẩn máy xét nghiệm điện giải, giúp theo dõi độ chính xác của thiết bị cũng như các kết quả xét nghiệm Hộp: 3x4x2ml	Hộp	2
31	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	- Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào. - Thành phần: + Muối ổn định isotonic <1.5%; + Thuốc chống vi trùng <0.1%; + Dung dịch đệm <0.3% - Đóng gói : 20 lít	Lít	440
32	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	- Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. -Thành phần: + Muối bậc 4 <1.0%; + Muối <1.5%. - Đóng gói : 5 lít/ thùng	Thùng	10
33	Chất thử chuẩn dùng cho phân tích huyết học	- Chức năng: Là máu chuẩn để hiệu chuẩn 3 mức trung bình, thấp, cao cho các thông số đo Bộ gồm : 3 lọ x4,5ml.	Bộ	1
34	Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Chức năng: Là dung dịch để bảo trì và vệ sinh máy phân tích huyết học - Thành phần: + Sự suy giảm lipid/ protein trong Sodium hypochlorite: 2.0-2.4% active chlorine; + Độ ổn định Sodium hydroxide <0.05%; + Chất hoạt động bề mặt <0.05%. - Đóng gói: 500ml/binh.	Bình	2
35	Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5	ml	120
36	Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B:	ml	120
37	Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7	ml	120
38	Dung dịch pha loãng	Hóa chất pha loãng sử dụng cho máy xét huyết học Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	216
39	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Hóa chất phá vỡ hồng cầu sử dụng cho máy xét huyết học Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	4000

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
40	Hóa chất chuẩn máy (low, medium, high)	Hóa chất QC 3 mức sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học. Bảo quản ở nhiệt độ thường bộ 3 lọ x 3ml Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	1
41	Dung dịch rửa đậm đặc	Hóa chất rửa đậm đặc sử dụng cho máy xét huyết học. Bảo quản ở nhiệt độ thường Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	5
		<b>TỔNG CỘNG: 41 mặt hàng</b>		



## PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thư mời báo giá ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu)

### BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu

Trên cơ sở Thư mời báo giá ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các hóa chất và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã Hs	Qui cách	Năm sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã kê khai	Giá kê khai
1												
2												

[Lưu ý: Các nhà cung ứng sẽ chào giá tới địa điểm giao hàng (có nghĩa là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan, các loại thuế liên quan phải trả nếu được trao Hợp đồng)].

2. Báo cáo này có hiệu lực trong vòng : tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày... tháng...năm ...[Ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1- Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., Ngày.... tháng.... năm...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất nhà  
cung cấp**  
(ký tên, đóng dấu)